

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bán án số: 34/2022/HNGĐ - ST

Ngày 24-3-2022

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Q Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên; Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 7/1, khóm B, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 433/4, khóm Đông Thịnh 3, phường Mỹ Phước, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bùi Văn D trình bày:

Năm 1994, ông D và bà T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định pháp luật. Cả hai chung sống như vợ chồng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên cả hai không chung với nhau và đã có cuộc sống gia đình riêng. Do đó, ông D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T vợ chồng. Về con chung, ông D và bà T có 03 con chung tên Bùi Kim N, sinh ngày 04/01/1995, Bùi Nam Q, sinh ngày 28/01/1998 và Bùi Kim K, sinh ngày 23/12/1999, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T thống nhất với ông D, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông D là vợ chồng. Về con chung, thống nhất có 03 con chung đã trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mặc dù cả hai

người đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, đồng thời xem xét quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn đối với con trong trường hợp các bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con tên Bùi Kim N, sinh ngày 04/01/1995, Bùi Nam Q, sinh ngày 28/01/1998 và Bùi Kim K, sinh ngày 23/12/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không xét đến .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn D đối với bị đơn Nguyễn Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh T là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Ông D và bà T có 03 con tên Bùi Kim N, sinh ngày 04/01/1995, Bùi Nam Q, sinh ngày 28/01/1998 và Bùi Kim K, sinh ngày 23/12/1999. Các con đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không xét đến .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Bùi Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000995 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường T, Tp.L;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam